

Bản án số: 255/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Mai Văn Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 728/2023/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Danh Phạm L, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp Hòa Hón, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Thị D, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp Đồng Tràm, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Danh Phạm L trình bày: Anh và chị D tự tìm hiểu quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Anh và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có mối quan hệ bất chính với người khác, không chăm lo con cái và gia đình từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt nên anh và chị D đã sống ly thân. Nay xét thấy anh và chị D không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị Dcó một con chung tên Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012. Hiện con đang sống với anh, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị Dcấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Anh Lkhông yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Dkhông giao nộp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lực.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lvà chị Dtự tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Anh Lcho rằng giữa anh và chị Dchung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay vì quá trình chung sống chị Dcó mối quan hệ bất chính với người khác, không chăm lo con cái và gia đình, từ đó hạnh phúc gia đình không còn. Kể từ khi khởi kiện đến nay chị Dcũng không có liên hệ với Anh Lđể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh Lực, chị Dđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên Anh Lyêu cầu ly hôn chị Dlà có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho Anh Lđược ly hôn chị D.

Về con chung: Anh Lxác định anh và chị Dcó một con chung tên Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012. Hiện nay cháu Trang sống với anh Lực. Chị Dkhông có ý kiến gì về con chung và không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối gì về việc xác định con chung của Anh Lnên có căn cứ để chấp nhận giữa Anh Lvà chị Dcó một con chung. Do cháu Trang hiện đã trên 7 tuổi nên xét theo nguyện vọng của con, cháu Trang có ý kiến sống với anh Lực. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Danh Thị Hạnh Trang cho Anh Ltrực tiếp nuôi dưỡng, chị Dkhông cấp dưỡng nuôi con do Anh Lkhông yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lxác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Dcũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Buộc Anh Lphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh Danh Phạm L khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với Chị Thị D nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và chị D với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị D với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nhung không thực hiện được do chị D không có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật để chị D biết được thông tin cũng như yêu cầu của Anh L và có ý kiến phản hồi nhưng chị D không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Anh L với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh L, chị D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh L và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân được Anh L xác định do chị D có mối quan hệ bất chính với người khác, không chăm lo con cái và gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn hạnh phúc. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và đã ly thân nhau từ năm 2014. Riêng chị D không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Xét thấy, kể từ thời điểm Anh L gửi đơn tại Tòa, anh xác định đã không còn chung sống vợ chồng với chị D từ năm 2014 nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của Anh L và chị D không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Anh L và chị D đã không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, Anh L yêu cầu được ly hôn với chị D là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Anh L được ly hôn chị D.

[2.2] Về con chung: Anh L xác định anh và chị D có một con chung tên Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012. Chị D không có ý kiến gì về con nên Hội

đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà Anh Lcung cấp là giấy khai sinh của cháu Trang thể hiện anh Lực, chị D là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định cháu Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012 là con chung của anh Lực, chị D. Xét yêu cầu của Anh L về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu Trang đang sống với anh Lực, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và bản thân chị D cũng không có ý kiến cho rằng Anh L nuôi con không tốt. Đến thời điểm xét xử, không có tài liệu chứng cứ nào xác định Anh L không đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, cháu Danh Thị Hạnh Trang cũng có ý kiến được sống cùng anh Lực. Trong khi anh và chị D đã ly thân nhau từ năm 2014 và kể từ thời điểm trên chị D cũng không một lần về thăm nom hay chăm sóc con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012 cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị D cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm Anh L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Anh L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002312 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Do Âu Minh Khang nộp thay). Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Danh Phạm L được ly hôn với Chị Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Hạnh Trang, sinh ngày 12/10/2012 cho Anh Danh Phạm L trực tiếp nuôi dưỡng, xét theo nguyện vọng của cháu Trang

là được sống với anh Lực. Chị Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh L không yêu cầu.

Chị Thị D được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm buộc Anh Danh Phạm L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Còn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002312 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Do Âu Minh Khang nộp thay). Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHA huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

**Dương Văn Hôm**